

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MẦM NON NGŨ LÃO

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế Thế giới. Trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: + Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi : 98% + Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn 1.2% so với đầu năm. - Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi. - 96% trẻ thực hành thao tác vệ sinh theo hướng dẫn của cô 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế Thế giới. Trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: + Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi : 98% + Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn 1.2% so với đầu năm - Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi. - 96% trẻ có các kỹ năng vệ sinh cá nhân và tự bảo vệ sức khỏe bản thân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Đảm bảo thực hiện đúng theo chương trình giáo dục mầm non mới.	- Đảm bảo thực hiện đúng theo chương trình giáo dục mầm non mới.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Đạt yêu cầu theo từng lĩnh vực phát triển: + PTTC: (Đạt: 85%; CCG: 15%) + PTNT: (Đạt: 80%; CCG: 20%) + PTNN: (Đạt: 85%; CCG: 15%) + PTTKNXH: (Đạt: 80%; CCG: 20%)	Đạt yêu cầu theo từng lĩnh vực phát triển: + PTTC: (Đạt: 95%; CCG: 5%) + PTNT: (Đạt: 90%; CCG: 10%) + PTNN: (Đạt: 95%; CCG: 5%) + PTTKNXH: (Đạt: 90%; CCG: 5%) + PTTM: (Đạt: 90%; CCG: 10%)
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Các ngày hội ngày lễ trong năm	Các ngày hội ngày lễ trong năm

Ngũ Lão, ngày 15 tháng 9 năm 2023



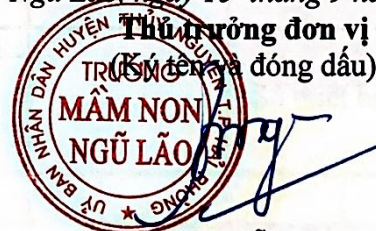
Lê Thị Viễn Đông

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MẦM NON NGŨ LÃO

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON THỰC TẾ
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	764			87	198	230	249
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	764			87	198	230	249
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	764			87	198	230	249
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	764			87	198	230	249
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	764			87	198	230	249
1	Số trẻ cân nặng bình thường	687			77	184	203	223
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	58			10	11	22	15
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	668			67	169	206	226
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	95			20	29	24	22
5	Số trẻ thừa cân béo phì	19				3	5	11
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	87			87			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	677				198	230	249

Ngũ Lão, ngày 15 tháng 9 năm 2023



Lê Thị Viễn Đông

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MN NGŨ LÃO

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
Năm học 2022 - 2023

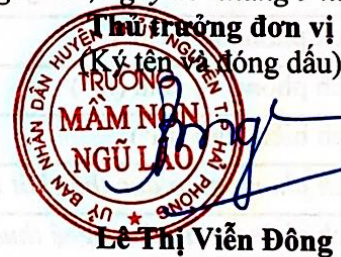
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	22	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	02	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	4804	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	1640	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	100	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	20	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	44.4	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	120	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	1
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	7	1
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	30	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02			0.3	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		22			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Ngũ Lão, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Viễn Đông

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG MN NGŨ LÃO

THÔNG BÁO CÔNG KHAI THÔNG TIN
VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		68			37	10	17	4		10	36				
I	Giáo viên	45			33	10	2			10	33				
1	Nhà trẻ	6			4	2				2	4	5	1		
2	Mẫu giáo	39			29	8	2			8	29	36	3		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	20			1		15	4							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên nuôi	15					15								
6	Bảo vệ, lao công	4						4							

Ngũ Lão, ngày 15 tháng 9 năm 2023



Lê Thị Viễn Đông

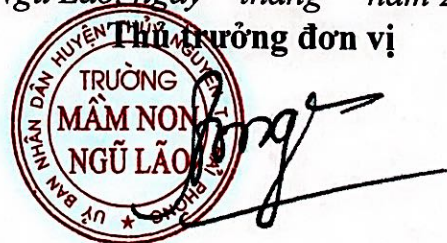
THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023 - 2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Từ tháng 7/2023 => đến tháng 01/2024	Đ/c Nguyễn Thị Yến - GV	01	Bồi dưỡng chính trị	Tập trung hệ tại chức	Trung cấp
2	Tháng 8/2023	CBQL, TTCM 1. Đ/c: Nguyễn Thị Oanh – PHT 2. Đ/c Bùi Thị Nụ - TTCM5T 3. Đ/c: Nguyễn Thị Thùy Dung TTCM4T 4. Đ/c Phạm Thị Hào – TTCM3T 5. Đ/c Lê Thị Thu - TTCMNT	05	Bồi dưỡng ứng dụng STEAM trong trường mầm non	Trực tiếp	
3	Tháng 9/2023	CBQL (Đ/c: Trần Thị Kim Loan - PHT)	01	Hướng dẫn sử dụng các ứng dụng trên nền tảng Google trong quản lý và dạy học	Trực tiếp	Chứng chỉ

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
4	Năm 2023-2024	Đ/c: Lê Thị Viễn Đông	01	Cao học	Trực tiếp + trực tuyến	Bằng thạc sĩ
		GV: Vũ Thị Yến	01	Học Đại Học sư phạm mầm non	Trực tiếp	Bằng cử nhân
		CBQL, GV	47	Tập huấn chữ ký số	Trực tiếp	
5	Tháng 3/2024	GV	01	Bồi dưỡng chính trị cho ĐV ưu tú	Trực tiếp	Sơ cấp
6	Năm 2024-2025	Đ/c: Lê Thị Viễn Đông	01	Cao học	Trực tiếp + trực tuyến	Bằng thạc sĩ
		GV: Vũ Thị Yến	01	Học Đại Học sư phạm mầm non	Trực tiếp	Bằng cử nhân
		CBQL, TTCM	05	Bồi dưỡng chuyên môn do PGD triển khai	Trực tiếp	
7	Năm học 2025 - 2026	CBQL, TTCM	05	Bồi dưỡng chuyên môn do PGD triển khai	Trực tiếp	
8	Tháng 3/2025	GV	01	Bồi dưỡng chính trị cho ĐV ưu tú	Trực tiếp	Sơ cấp

Ngũ Lão, ngày tháng năm 2023



Lê Thị Viễn Đông

Số: 79 /TB-MNKB
Về triển khai thực hiện các khoản thu
trong năm học 2023 - 2024

Ngũ Lão, ngày 18 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Kính gửi: Các bậc phụ huynh trường mầm non Ngũ Lão

Căn cứ các văn bản làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các khoản thu của nhà trường trong năm học:

1. Văn bản của các cấp có thẩm quyền

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Hướng dẫn liên Sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở Giáo dục đào tạo và Sở Tài chính về Thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Hướng dẫn liên Sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 22/8/2023 của Sở Giáo dục đào tạo và Sở Tài chính về Thực hiện thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2023 - 2024;

- Công văn số 3051/UBND-GDĐT ngày 12/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc thực hiện các khoản thu trong trường học năm học 2023 - 2024;

2. Văn bản ban hành của đơn vị

- Kế hoạch số 67/KH-MNNL ngày 30/8/2023 của trường mầm non Ngũ Lão về Thực hiện công tác thu - chi một số quỹ ngoài ngân sách năm học 2023 - 2024;

- Kết quả Hội nghị phụ huynh học sinh đầu năm học 2023 – 2024 của trường mầm non Ngũ Lão.

3. Các nội dung thu:

Nhà trường thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ giáo dục trong năm học như sau:

1. Tiền ăn: 25.000 đồng/cháu/ngày
2. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú: Cháu mới 360.000đ/cháu/năm;
Cháu cũ 200.000đ/cháu/năm;
3. Hỗ trợ người nấu ăn: 105.000đ/cháu/tháng;
4. Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính: 220.000đ/ cháu/ tháng;
5. Làm quen Tiếng Anh: 160.000đ/cháu/tháng.
6. Học thứ 7: 50.000đ/ cháu/ ngày

(các mục 5,6 chỉ tiến hành thu khi phụ huynh đăng ký)

*Các khoản thu khác (không có)

4. Hình thức thu:

- **Học phí:** Nhà trường không tổ chức thu, cuối tháng phụ huynh ký xác nhận danh sách trẻ đi học làm minh chứng, nhà trường báo cáo cấp trên cấp học phí

- **Tiền ăn:** thu theo tháng; thanh toán theo ngày thực học

- **Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính:** thu theo tháng; thanh toán theo tháng

- **Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú:** thu theo năm học, thu đầu năm học

- **Tiền hỗ trợ người nấu ăn, học Tiếng Anh:** thực hiện thu và thanh toán theo tháng.

- **Tiền học thứ 7:** thu theo tháng; thanh toán theo tháng

- **Ủng hộ tự nguyện (tài trợ):** Nhà trường sẽ thực hiện theo chủ trương, không vận động đồng loạt, sẽ tổ chức tiếp nhận các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị nếu các đơn vị, cá nhân, phụ huynh có lòng hảo tâm đề xuất tặng cho các lớp và nhà trường bằng văn bản trong năm học.

- **Quỹ hoạt động Ban đại diện CMHS trường:** do Ban đại diện CMHS các lớp trích ủng hộ lại để phục vụ các hoạt động liên quan đến trẻ và Ban đại diện trong năm học (quỹ do Ban đạo diện CMHS quản lý và quyết chi, nhà trường ký xác nhận chi)....

Nhà trường xin thông báo tới quý phụ huynh để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phụ huynh hs (t/h);
- Lưu VT.



Lê Thị Viễn Đông